

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2026/DS-ST  
Ngày 21-8-2026  
V/v “Tranh chấp về hợp đồng  
vay tài sản và hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Phương Trang;
2. Ông Nguyễn Văn Trạng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2026/TLST-DS, ngày 11 tháng 5 năm 2026, về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 380/2026/QĐXXST-DS ngày 16/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 398/2026/QĐST-DS ngày 03/8/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: **ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp**

- Bị đơn: Bà **Lâm Thị T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: **ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp**.

Chỗ ở hiện nay: **Tổ C, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Người làm chứng:

1. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1979

2. Bà **Võ Thị Bít T1**, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: **ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn bà **M** trình bày: Năm 2024, bà có chơi hụi, tên hụi viên SÁU HÙNG (**Sáu H** là tên chồng bà **M**) do bà **Lâm Thị T** làm chủ hụi, tổng cộng 02 dây hụi. Đến tháng 7/2025 âm lịch bà **T** bẻ hụi. Các dây hụi cụ thể như sau:

+ Dây hụi tháng 2.000.000đồng, bỏ hụi ngày 01/6/2024 âm lịch (nhằm ngày 06/7/2024 dương lịch), có 13 hụi viên, tổng dây hụi là 18 chân, trong đó bà **M** tham gia 01 chân, hụi mãn ngày 01/10/2025 âm lịch. Từ tháng 06/2024 âm lịch đến tháng 07/2025 âm lịch, bà đã đóng hụi được 15 lần với số tiền: 2.000.000đ x 15 lần = 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

+ Dây hụi tháng 3.000.000đồng, bỏ hụi ngày 01/10/2024 âm lịch (nhằm ngày 01/11/2024 dương lịch), có 11 hụi viên, tổng dây hụi là 15 chân, trong đó bà **M** tham gia 01 chân. Từ tháng 10/2024 âm lịch đến tháng 07/2025 âm lịch, bà đã đóng hụi được 11 lần với số tiền: 3.000.000đ x 11 lần = 33.000.000đồng (Ba mươi ba triệu đồng).

Tổng cộng bà đã đóng hụi cho bà **T** số tiền là: 63.000.000đồng (Sáu mươi ba triệu đồng).

Trong thời gian bà còn chơi hụi của bà **T** làm chủ, bà có hốt được một đầu hụi được số tiền 70.000.000đồng, lúc này bà **T** hỏi mượn lại của bà số tiền 50.000.000đồng (trong số tiền 70.000.000đồng bà hốt hụi được).

Sau đó bà **T** có mượn thêm của tôi số tiền 60.000.000đồng.

Do chỗ quen biết nên bà không làm giấy tờ nhưng có những người chơi hụi chung biết sự việc này như: Bà **Nguyễn Thị L**, bà **Võ Thị Bít T1**.

Trong năm 2024, bà **T** mượn của bà số tiền là 110.000.000đồng (Một trăm mười triệu đồng). Đến tháng 01/2025, bà **T** tiếp tục hỏi mượn tiền của bà vì biết bà có chơi hụi do bà **T4** (cô giáo) làm chủ hụi nên bà **T** mượn của bà dây hụi 5.000.000đồng, mỗi tháng bỏ hụi một lần, hốt hụi được 70.000.000đồng, bà **T4** giao tiền trực tiếp cho bà **T** nhận 70.000.000đồng để giao lại cho bà **M**. Nhưng bà **T** mượn lại tiền hụi của bà **M** 50.000.000đồng.

Tổng cộng bà **T** còn nợ bà **M** số tiền vay là 160.000.000đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Nay bà **Nguyễn Thị M** yêu cầu bà **Lâm Thị T** trả nợ cho bà số tiền hụi còn nợ là 63.000.000đồng và tiền vay, tiền mượn còn nợ là 160.000.000đồng. Tổng cộng là 223.000.000đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa bà **M** trình bày: Bà không nhớ các lần đóng tiền hụi là bao nhiêu nên không biết tổng tiền gốc bà đóng hụi cho bà **T2** là bao nhiêu nên bà không biết tính bình quân số tiền gốc bà đã đóng hụi cho bà **T** là bao nhiêu, do đó bà không đồng ý tính bình quân đối với số tiền gốc bà đã đóng hụi cho bà **T** mà yêu cầu bà **T** trả cho bà số tiền hụi tính theo hụi còn sống là 2.000.000đ x 15lần = 30.000.000đồng và 3.000.000đ x 11lần = 33.000.000đồng. Bởi vì các dây hụi bà tham gia còn vài người còn sống như trường hợp của bà, chưa mãn hụi thì bà **T** tự động bỏ địa phương đi, những hụi viên khác thì bà **T** kêu chị bà **T** ở nhà gom tiền hụi chết để trả dần cho mọi người, mỗi người từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ, việc trả tiền này là tính trên số nợ tiền hụi còn lại đối với hụi 2.000.000đ thì tính đủ 2.000.000đ, đối với hụi 3.000.000đ thì tính đủ 3.000.000đ. Còn phần của bà **M** cũng năn nỉ kêu trả dần giống vậy nhưng phía bà **T** không chịu trả.

Đối với số tiền mà bà T mượn của bà từ việc hót hụi của bà T4 thì bà T có trả lãi được vài lần bằng cách mỗi lần trả tiền bà T chuyển khoản bằng số tài khoản của chồng là ông P chuyển về cho thế giới di động của xã T xong bà T gọi điện về cho bà M để bà M ra thế giới di động nhận tiền nhưng khi nhận thì không có biên lai gì.

Sau khi bà T bỏ đi bà T có điện thoại về nói chuyện với bà, kêu bà đừng có lo để bà T làm từ từ có tiền sẽ gửi về trả cho bà. Nhưng sau này thì bà không còn liên lạc được với bà T nữa.

Do thời điểm làm chủ hụi vợ chồng bà T đang cất nhà tường trang nghiêm, sang trọng và do tin tưởng nên về tiền hụi không kêu bà T làm giấy nợ tiền hụi và tiền cho vay cung vậy, bà T hỏi là đưa chứ không có làm giấy tờ gì. Nhưng việc tham gia chơi hụi, việc bà T còn nợ tiền hụi của bà là có thật và việc bà có cho bà T mượn tiền cũng là có thật. Nhờ Hội đồng xét xử xem xét chứ vợ chồng già có bao nhiêu tiền gom đưa cho bà T hết, giờ già yếu, bệnh tật không có tiền ăn, không có tiền chữa bệnh.

- Bị đơn bà Lâm Thị T không có mặt tại địa phương.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M. Buộc bà Lâm Thị T trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền hụi còn nợ theo số tiền gốc mà bà M đóng hàng tháng cho bà T đối với dây hụi 2.000.000đ thì tính bình quân là 1.500.000đồng/tháng, đối với dây hụi 3.000.000đ thì tính bình quân là 2.300.000đồng/tháng. Nên số tiền hụi bà T phải trả cho bà M là 1.500.000đồng/tháng x 15 lần (tháng) = 22.500.000đồng cộng với 2.300.000đồng/tháng x 11 lần (tháng) = 25.300.000đồng. Tổng cộng là 47.800.000đồng. Riêng đối với tiền vay, tiền mượn còn nợ 160.000.000đồng là không có căn cứ nên không chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ kiện “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hụi” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Lâm Thị T vắng mặt nhiều lần, không có lý do. Người làm chứng bà Nguyễn Thị L, bà Võ Thị B Tiền vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự

này. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu bà Lâm Thị T trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 63.000.000đồng và tiền vay, tiền mượn còn nợ là 160.000.000đồng. Tổng cộng là 223.000.000đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Đối với số tiền hụi: Bà M có cung cấp cho Tòa án 04 giấy danh sách hụi, bao gồm dây hụi 2.000.000đ, dây hụi 3.000.000đ, dây hụi 5.000.000đ do bà T làm chủ hụi và dây hụi 5.000.000đ do bà T4 làm chủ hụi. Mặc dù, không có giấy tờ tính rõ ràng, cụ thể tiền hụi còn nợ lại, không có xác nhận nợ của phía bị đơn bà Lâm Thị T. Nhưng những người làm chứng như: Bà Nguyễn Thị L, bà Võ Thị Bít T1 là những thành viên tham gia chơi hụi chung danh sách với bà M (sáu H) trong các dây hụi 2.000.000đ, dây hụi 3.000.000đ, bà T1 và bà L xác định có biết việc bà Lâm Thị T có làm chủ hụi và bà Nguyễn Thị M (tên Sáu H) có tham gia chơi hụi của bà T vì các bà có tham gia chơi hụi chung. Bà T làm chủ hụi của nhiều dây hụi, trong đó có dây hụi 2.000.000đồng ngày 01/6/2024 âm lịch (nhằm ngày 06/7/2024 dương lịch) và dây hụi tháng 3.000.000đồng ngày 01/10/2024 âm lịch (nhằm ngày 01/11/2024 dương lịch). Đối với các dây hụi này các bà có tham gia chơi chung với bà M, các bà đã hốt hụi xong. Theo các bà được biết thì bà T vẫn còn nợ tiền hụi của bà M đối với hai dây hụi này, dây hụi 2.000.000đ là bà M đóng được 15 lần, dây hụi 3.000.000đ là bà M đóng được 11 lần.

Do đó, xác định việc bà Lâm Thị T có còn nợ tiền hụi của bà Nguyễn Thị M là có thật. Hội đồng xét xử xét thấy đây là hụi có lãi, do đó theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phưởng thì thành viên tham gia chơi hụi còn sống được hưởng lãi từ thành viên lãnh hụi. Việc tính lãi này đã được phía bà T thực hiện bằng cách bà T kêu chi bà T ở nhà gom tiền hụi chết để trả dần cho mọi người, mỗi người từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ, việc trả tiền này là tính trên số nợ tiền hụi còn lại đối với hụi 2.000.000đ thì tính đủ 2.000.000đ, đối với hụi 3.000.000đ thì tính đủ 3.000.000đ. Còn phần của bà M cũng năn nỉ kêu trả dần giống vậy nhưng phía bà T không chịu trả. Tại phiên tòa, bà M cũng không đồng ý việc yêu cầu bà T chỉ trả số tiền hụi gốc bình quân của các lần đóng hụi mà vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện. Tại Điều 18 của Nghị định 19 nói trên cũng quy định nghĩa vụ của chủ hụi là giao các phần hụi cho thành viên lãnh hụi tại mỗi kỳ mở hụi. Nhưng trong trường hợp này bà Lâm Thị T là người có lỗi, bà T tự bỏ địa phương, tự chấm dứt hụi khi dây hụi còn chưa mãn hụi mà không có thỏa thuận gì khác đối với những người còn hụi sống (chưa hốt hụi). Do bà T vi phạm nghĩa vụ trong giao dịch này nên bà Lâm Thị T phải chịu trách nhiệm trả tiền nợ hụi còn thiếu cho bà Nguyễn Thị M đối với tổng số tiền 63.000.000đồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

+ Đối với số tiền vay: Mặc dù, không có biên nhận, không có giấy tờ về hợp đồng vay tiền, không có xác nhận nợ của phía bị đơn bà Lâm Thị T. Nhưng những người làm chứng như: Bà Võ Thị B Tiên xác định đối với phần tiền vay thì bà T1 có

biết và chứng kiến việc bà **T** hỏi vay tiền của bà **M** một lần 10.000.000đ, một lần 20.000.000đ...và nhiều lần khác, tổng số tiền khoảng 50.000.000đồng và tiền hui của cô giáo **T4** đưa qua cho bà **T** mượn bà **T1** cũng có nghe kể và biết được, bà **M** hốt hui được 70.000.000đ, bà **M** mới cho bà **T** mượn 50.000.000đ trong tổng số tiền 70.000.000đ này.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà **Lâm Thị T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, biết việc bà **M** khởi kiện yêu cầu bà **T** trả nợ hui và trả nợ vay nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà **T** đã từ bỏ quyền của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bà **Nguyễn Thị M** tại phiên tòa thể hiện tính trung thực và thể hiện rõ bản chất của sự thật. Do đó, xác định việc bà **Lâm Thị T** có vay tiền của bà **Nguyễn Thị M** với tổng số tiền 160.000.000đồng là có thật. Nên buộc bà **Lâm Thị T** phải có nghĩa vụ trả tiền nợ vay còn thiếu cho bà **Nguyễn Thị M** đối với số tiền 160.000.000đồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận một phần như phân tích ở trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Về án phí:

- + Bà **Lâm Thị T** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.
- + Bà **Nguyễn Thị M** là người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 157, 165, 227, 228, 229, 235, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 11, 15 và 18 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về Họ, **H1**, **B**, **P1**.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị M**.

Buộc bà **Lâm Thị T** phải có trách nhiệm trả cho bà **Nguyễn Thị M** số tiền hui còn nợ là 63.000.000đồng và tiền vay, tiền mượn còn nợ là 160.000.000đồng. Tổng cộng là 223.000.000đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- + Buộc bà **Lâm Thị T** phải chịu 11.150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- + Bà **Nguyễn Thị M** là người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Trọng Nguyễn Thị Phương T3**

**Nguyễn Phương T4**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phương Thảo**





***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phương Thảo**